

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 6 năm 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Ông Nguyễn Thành Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Y H, sinh năm 1992.

Cư trú: Thôn C, xã M, huyện H, Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đồng Văn Q, sinh năm 1990.

ĐKHKTT: Thôn C, xã M, huyện H, Bắc Giang.

Hiện đang cải tạo tại Đội 11 phân trại II, Trại giam N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

(Các đương sự đều xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Y H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đồng Văn Q kết hôn ngày 25/11/2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q nghiện ma túy. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Xác định tình cảm vợ

chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu ly hôn anh Đồng Văn Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đồng Đông D, sinh ngày 10/4/2012 và Đồng Trường G, sinh ngày 16/02/2015. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập 7.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do điều kiện công việc chị yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

* Bị đơn là anh Đồng Văn Q trình bày: Anh và chị Y H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2011 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Hiện nay anh đang chấp hành án tại trại giam Nam Hà với mức án 17 năm. Kể từ ngày anh chấp hành án tại trại giam Nam Hà, chị Y H không đến thăm anh lần nào. Nay chị Y H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đồng Đông D, sinh ngày 10/4/2012 và Đồng Trường G sinh ngày 16/02/2015. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị Y H. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị Y H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do hiện nay anh đang phải chấp hành án phạt tù nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Y H được ly hôn anh Đồng Văn Q.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Đồng Đông D, sinh ngày 10/4/2012 và Đồng Trường G, sinh ngày 16/02/2015 cho chị Y H nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị Y H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Y H và bị đơn là anh Đồng Văn Q đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh Q.

[2]- Về quan hệ tình cảm: Chị Y H và anh Đồng Văn Q kết hôn ngày 25/11/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Anh Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y H. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Y H được ly hôn anh Q (Theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình).

[3]- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đồng Đông D, sinh ngày 10/4/2012 và Đồng Trường G, sinh ngày 16/02/2015. Vợ chồng ly hôn, chị Y H yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh Q đồng ý để chị Y H nuôi dưỡng hai con chung vì anh đang phải chấp hành án phạt tù. Cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung của chị Y H là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]- Về án phí: Chị Y H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Y H được ly hôn anh Đồng Văn Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Đồng Đông D, sinh ngày 10/4/2012 và Đồng Trường G, sinh ngày 16/02/2015 cho chị Y H nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Y H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003643 ngày 10/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ,
- N, tỉnh Kon Tum;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Chuyên